NGHIÊN CỨU SO SÁNH ĐÔ THỊ HÓA VÙNG VEN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Tôn Nữ Quỳnh Trân[*]

Thuật ngữ "vùng ven" trong tham luận này dùng để chỉ những địa bàn nằm ven các khu đô thị. Các khu đô thị ấy có thể là những quận đã có trình độ đô thị hóa đáng kể hoặc là những vùng đã phát triển đô thị tại các huyện như là thị trấn thuộc huyện.

Hiện tượng đô thị hóa vùng ven mang tính tổng hợp rất cao và chứa đựng trong nó nhiều thách thức về đô thị trong tương lai, vì chính nó cung cấp những thông tin trực tiếp về đô thị trong tương lai. Nói một cách cụ thể, ở các khu vực ven đô hiện nay, việc thiếu cơ sở hạ tầng và dịch vụ đô thị sẽ cản trở sự phát triển bền vững của đô thị trong tương lai hoặc sẽ trở thành một gánh nặng đối với ngân sách đầu tư của các chính quyền địa phương.

Hiện tượng đô thị hóa vùng ven của tham luận sẽ được xem xét trên các vùng ven và ngoại thành của hai thành phố, thể hiện mạnh qua các hiện tượng đặc thù của đô thị hóa như sự thay đổi của cảnh quan; sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động - việc làm; đất nông nghiệp bị thu hẹp được thay dần bằng các khu công nghiệp, công trình xây dựng đô thị; tỷ lệ nông dân xuống thấp trong khi đó tỷ lệ công nhân tăng lên; sự thay đổi trong đời sống của cư dân...

1. Xác định vùng ven của hai đô thị

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt theo Nghị định số 15/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2007. Năm 2011, thành phố có 19 quận và 5 huyện, với dân số là 7.521.138 và mật độ dân số trung bình là 3.590người/km^2, trong đó đơn vị có mật độ cao nhất là quận 11 (45.568ng/km^2) và thấp nhất là huyện Cần Giờ[1] với mật độ chỉ có 100ng/km^2. Vùng ven đô thị của TP. Hồ Chí Minh trong thời này là những địa bàn nằm giữa rìa các quận nội thành và các huyện ngoại thành, có thể kể một số địa

---

* PGS, TS. Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển.

1. *Niên giám thống kê TP. Hồ Chí Minh, 2011.*

điểm tiêu biểu như xã Vĩnh Lộc A thuộc huyện Bình Chánh, xã Bà Điểm thuộc huyện Hóc Môn, hoặc hai phường Bình Chiểu, Linh Xuân thuộc quận Thủ Đức...

Thành phố Cần Thơ được công nhận là đô thị loại I trực thuộc trung ương với Quyết định số 889/QĐ-TTg, 6 năm 2009. Đến năm 2012, thành phố có 5 quận và 4 huyện, dân số trung bình là 1.401.000 người, mật độ dân số là 863 người /km^2. Đơn vị có mật độ cao nhất là quận Ninh Kiều với 8.602 người/km^2, thấp nhất là huyện Cờ Đỏ với 478 người/km^2. Vùng ven của đô thị Cần Thơ có thể nói là các phường giáp với các huyện như phường Tân Phú, phường Phú Thứ, phường Trường Thạnh của quận Cái Răng...

2. Mức độ đô thị hóa của hai thành phố

Mức độ đô thị hóa của TP. Hồ Chí Minh cao hơn hẳn TP. Cần Thơ. Vào năm 2004, mức độ đô thị hóa của TP. Hồ Chí Minh đã là 73,535%, thì TP. Cần Thơ mới đạt đến 49,85%, chênh nhau đến 23%[1]. Vì thế, con đường đô thị hóa của hai thành phố ắt hẳn có nhiều điểm khác nhau và giống nhau.

Sau đây là biểu đồ về mức độ đô thị hóa của cả hai thành phố:

***Biểu đồ 1*: So sánh diễn trình đô thị hóa của TP. Hồ Chí Minh và TP. Cần Thơ**

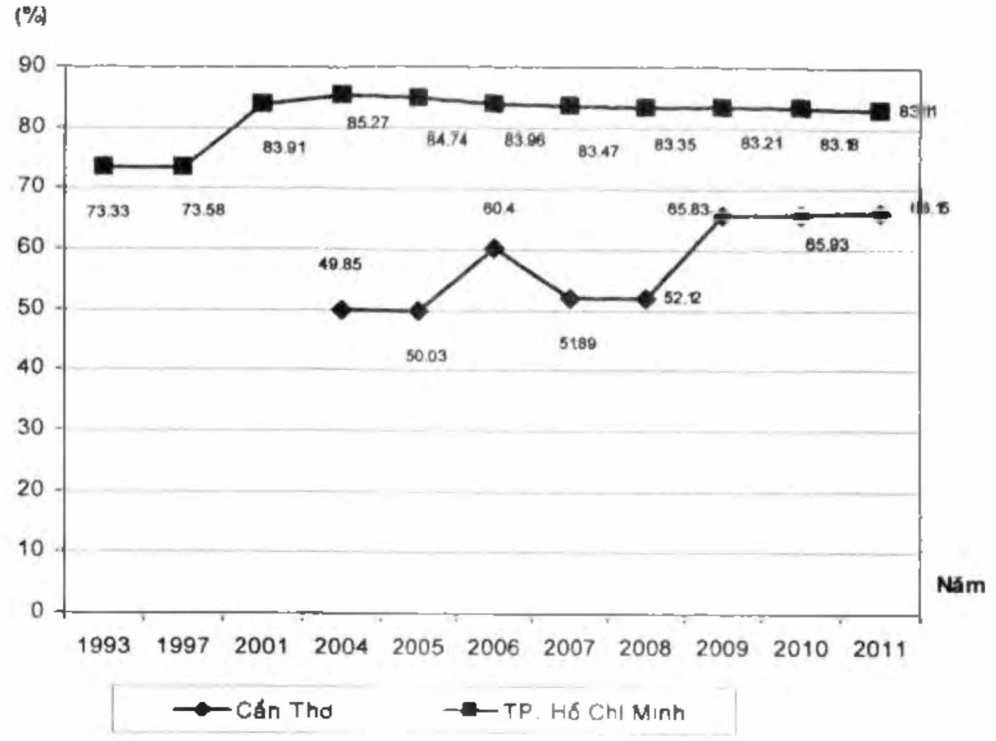

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2004 của hai thành phố.

1. Tính theo *Niên giám thống kê năm 2004* của hai thành phố.

Quan sát đường biểu diễn mức độ đô thị hóa của hai thành phố, ta thấy, hai đường biểu diễn khá giống nhau, đều có đoạn gãy khúc lên cao khác thường, ở TP. Hồ Chí Minh là từ năm 1997-2005, ở TP. Cần Thơ là từ năm 2008-2009. Đó là những năm tương ứng với sự chuyển đổi địa giới hành chính của cả hai thành phố. Năm 1997, TP. Hồ Chí Minh có thêm 5 quận mới và sau đó năm vào 2003, lại có thêm 2 quận mới, còn tại TP. Cần Thơ năm 2009 khi huyện Thốt Nốt trở thành quận. Điểm khác nhau giữa hai tiến trình là đô thị hóa của TP. Hồ Chí Minh đi sớm hơn TP. Cần Thơ một nhịp rất dài. Năm 1993, mức độ đô thị hóa của TP. Hồ Chí Minh đã là 73,33%, còn TP. Cần Thơ khi ấy vẫn còn là thành phố thuộc tỉnh.

Ngoài ra còn một điểm khác biệt nữa là, đường biểu diễn của TP. Hồ Chí Minh có chiều hướng đi xuống vào những năm 2005-2011, còn tại TP. Cần Thơ thì đô thị hóa vẫn tăng lên đều đặn. Có thể giải thích hiện tượng đi xuống của mức độ đô thị hóa của TP. Hồ Chí Minh trong những năm gần đây là do sự giãn dân từ nội thành ra vùng ngoại ô, số dân sống ở nội thành giảm xuống, số dân sống ở vùng nông thôn ngoại thành tăng lên. Trong khi đó, hiện tượng này chưa xuất hiện rõ ở Cần Thơ, nên đường biểu diễn của mức độ đô thị hóa của Cần Thơ vẫn theo đà tăng tiến.

3. Cảnh quan hoàn toàn mới xuất hiện với các yếu tố phi nông nghiệp

Từ thập kỷ 90 của thế kỷ XX, thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hai thành phố đã có những bước chuyển biến quan trọng trong nền kinh tế của mình. Vùng ven là nơi thể hiện rõ ràng trước mắt việc chuyển dịch này. Mọc lên từ đất nông nghiệp và làng mạc của vùng ven là những công trình xây dựng mới, bao gồm các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX), khu đô thị mới rộng lớn và những khu nhà ở biệt lập bên cạnh những trung tâm mua sắm, siêu trung tâm bán lẻ và siêu thị, tất cả đều lớn về số lượng và quy mô. Tại TP. Hồ Chí Minh, Khu chế xuất đầu tiên của Việt Nam là khu chế xuất Tân Thuận (quận 7, TP. Hồ Chí Minh) được thành lập năm 1991, chiếm 300ha diện tích vốn trước đây là đất nông nghiệp. Tiếp theo nhiều khu chế xuất và khu công nghiệp khác ra đời. Bên cạnh đó, nhiều cụm công nghiệp và nhiều nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nằm rải rác ở nhiều nơi ở vùng ven hoặc lấn sâu vào vùng nông nghiệp. Việc xây dựng các KCN đến nay hầu như chưa có điểm dừng và sẽ còn tiếp tục phát triển ở vùng ngoại thành của thành phố. Việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật cũng được tiến hành tại vùng ven. Nhiều đường giao thông nối từ trung tâm thành phố đến vùng ven làm cho giao thông nội thành - ngoại thành thuận lợi. Các con đường liên tỉnh cũng được xây dựng, mở rộng mạnh lưới giao thông cho vùng ven. Nhiều vùng ven tọa lạc trên những trục giao thông huyết mạch như đường Xuyên Á (đoạn đi qua TP. Hồ Chí Minh - Quốc lộ 1A) đi qua các vùng ven của quận 12, quận Thủ Đức, huyện Củ

Chí, cũng nhờ thế mà có thể giao thông dễ dàng với những địa bàn xa xôi, tạo thuận lợi cho việc thương mại, vận tải. Không thua gì các KCN, cụm CN, các khu dân cư, khu đô thị cũng mọc lên tại vùng ven, mà điển hình nhất là khu đô thị cao cấp Phú Mỹ Hưng ở TP. Hồ Chí Minh, vốn là vùng sình lầy giữa quận 7 và huyện Nhà Bè; Khu đô thị mới Nhà Bè, khiêm tốn hơn, được xây dựng theo mô hình các đô thị mới ở Hàn Quốc, khu Đô thị mới Nam TP. Hồ Chí Minh, thuộc quận 7, quận 8 và huyện Bình Chánh và các khu đô thị mới khác...

Ở TP. Cần Thơ, KCN Trà Nóc đã được thành lập từ những năm đầu của thập kỷ 90 và bắt đầu phát huy chức năng của nó vào những năm 2000, với sự hình thành các KCN tập trung tại quận Bình Thủy và quận Ô Môn, rồi sau đó là các KCN Hưng Phú I, Hưng Phú II, các khu đô thị mới như Khu đô thị Nam Cần Thơ. Nhiều nơi ở phường Hưng Phú, Hưng Thạnh... không còn nhìn thấy những đồng ruộng, vườn cây hay ao cá mà thay vào đó là những ngôi nhà cao tầng, những căn biệt thự sang trọng

4. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, diện tích đất nông nghiệp giảm sút và chuyển dịch cơ cấu lao động

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế xảy ra đều khắp tại các vùng ven theo sự xuất hiện của các KCN. Tỉ trọng của sản xuất nông nghiệp sụt giảm mạnh.

Sau đây là một vài số liệu về việc giảm sút diện tích đất nông nghiệp tại các quận huyện có vùng ven đang đô thị hóa, trong đó điển hình là các quận mới được thành lập từ năm 1997 hay 2003 của TP. Hồ Chí Minh.

***Bảng 1*: Sự giảm sút của diện tích gieo trồng lúa cả năm tại TP. Hồ Chí Minh từ năm 2005-2011**

Đơn vị: ha

	2005	2008	2009	2010	2011
Quận 2	175	135	132	103	114
Quận 9	652	244	213	184	184
Quận Thủ Đức	37	6	4	4	4

Nguồn: Niên giám thống kê TP. Hồ Chí Minh năm 2011

Diện tích đất nông nghiệp của TP. Cần Thơ cũng sụt giảm, thể hiện rõ rệt tại vùng ven đang đô thị hóa qua sự thay đổi của diện tích canh tác ở khu vực này. Tại các quận Ninh Kiều, Ô Môn và Cái Răng, từ năm 2004-2007, diện tích gieo trồng các loại cây đều giảm.

Biểu đồ 2: **Diện tích cây hàng năm và lâu năm ở ba quận của TP. Cần Thơ**

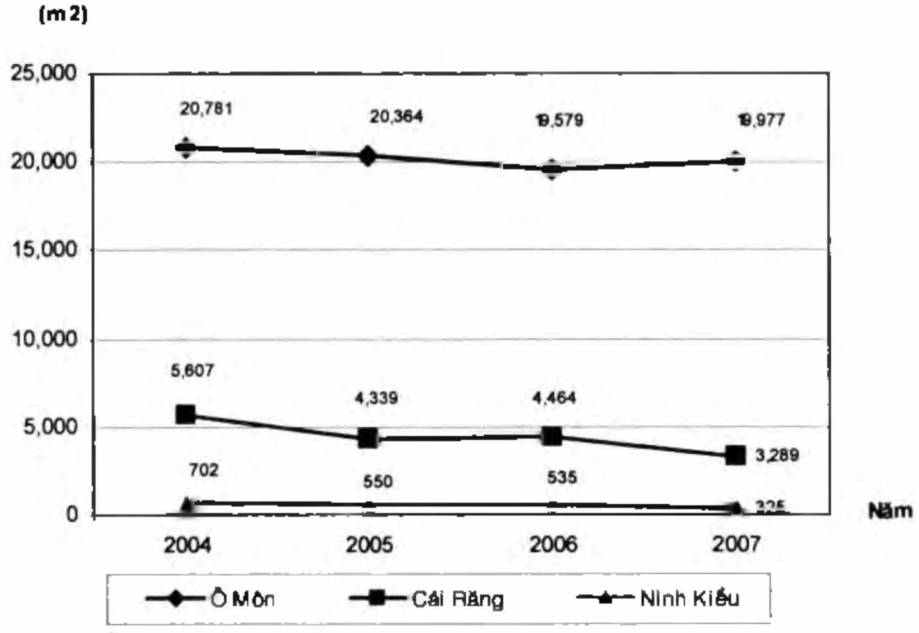

Nguồn: Niên giám thống kê TP. Cần Thơ 2008

Bên cạnh hiện tượng diện tích trồng trọt giảm sút là hiện tượng đất bị bỏ hoang, không được canh tác vì nhiều lý do như đất đổi chủ, do quy hoạch đất không thể canh tác, thiếu nhân công.

Một dạng đất bị bỏ hoang khá phổ biến là do hiện tượng quy hoạch "treo" Tại nhiều nơi, nhiều vùng đất được quy hoạch dành cho hạ tầng đô thị, bị "treo" không có được hoạt động khai thác nào. Từ đó các cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động nông nghiệp như dẫn nước, thoát nước không còn được chú trọng.

Có nhiều đất không thể canh tác được vì nguồn nước ô nhiễm, vì đất mặt đã bị bán đi để san lấp mặt bằng xây dựng, mặt ruộng bị đào sâu xuống, lớp đất màu không còn, đã trở nên cằn cỗi, không thể tiếp tục canh tác[1].

Vấn đề nhân lực cũng là một lý do đáng kể cho việc đất bị bỏ hoang, nhiều thành viên trong hộ gia đình nông nghiệp đã chuyển sang làm các nghề phi nông nghiệp, không có lời lại vất vả.

Cũng như chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động cũng diễn ra mạnh mẽ tại các vùng ven vốn là địa bàn có hoạt động chủ yếu là nông nghiệp. Một bộ phận lao động nông nghiệp bị tách ra khỏi việc làm quen thuộc cũ vì không

1. Ái Vân, "Hậu" khai thác đất mặt - hàng ngàn hécta đất ruộng bị bỏ hoang", Báo *Sài Gòn Giải phóng*, 23-6-2005.

còn đất, vì hiệu quả của canh tác nông nghiệp kém, buộc phải chuyển nghề. Trong khi đó các nhà máy, xí nghiệp được thành lập, mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp phi nông nghiệp cho cư dân tại chỗ. Xuất hiện tại đây nhóm công nhân xí nghiệp công nghiệp xuất thân từ các hộ cư dân vùng ven, nơi tọa lạc các khu công nghiệp trên đất ruộng mà họ hoặc gia đình vừa nhượng lại. Bên cạnh việc làm công nhân, một thị trường việc làm khác cũng nở rộ đa dạng, tạo nên bối cảnh cho các hộ gia đình trong vùng có thể xoay sở, tìm ra những việc làm kiểu mới - phần lớn là phi nông nghiệp, từ đơn giản nhất như thợ nề, phụ hồ, chuyên chở hàng hóa, cho đến các dịch vụ phức tạp hơn như sửa xe gắn máy, uốn tóc, kế toán và đặc biệt là công nhân xí nghiệp công nghiệp. Tuy vậy, phần lớn các việc làm phi nông nghiệp này không ổn định, chất lượng nghiệp vụ thấp, đa số người lao động này đều chưa qua đào tạo về công việc mà mình đang làm, đều có tâm lý tìm nhanh cho mình một việc làm để sinh tồn, chưa quan tâm việc làm đó có phải là nghề nghiệp lâu dài hay không. Ít nhất có đến hơn một nửa số việc làm phi nông nghiệp này tỏ ra rất bấp bênh, chưa đáng gọi là một nghề hay đáng coi đó là một nguồn mưu sinh ổn định.

Biểu đồ 3 và 4 cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu lao động tại vùng ven của hai thành phố.

***Biểu đồ 3*: Diễn biến việc làm của thanh niên tại xã Vĩnh Lộc A và phường Bình Chiểu (TP. Hồ Chí Minh, 1995-2010)**

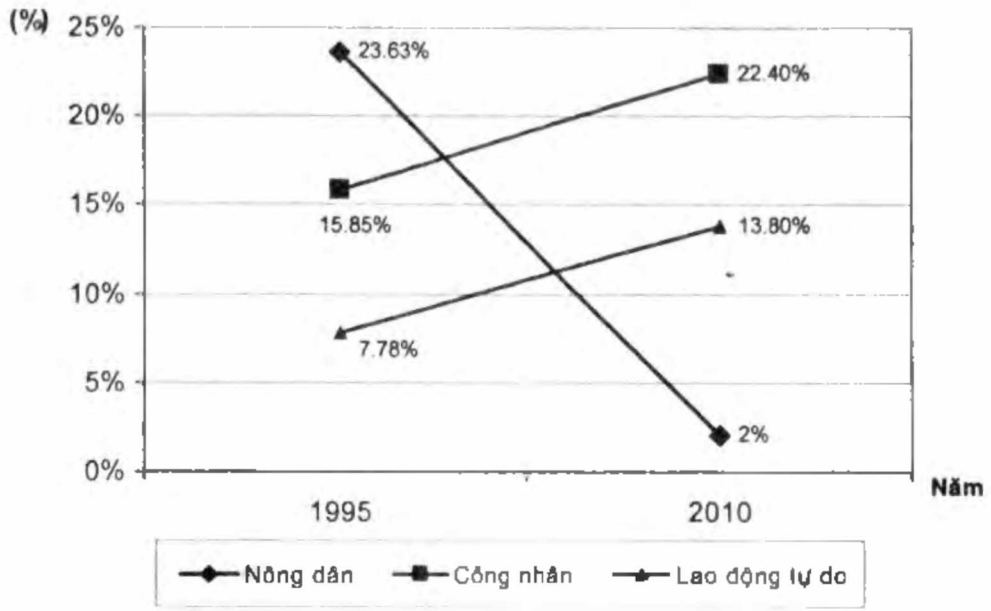

Nguồn: Theo số liệu của Báo cáo Nghiệm thu đề tài *Thanh niên vùng đô thị hóa và vấn đề việc làm - Trường hợp TP. Hồ Chí Minh*, TP. Hồ Chí Minh, 2012.

Biểu đồ 4: **Diễn biến việc làm nông và phi nông của người dân các phường Phú Thứ, Phước Thới và An Bình (Cần Thơ) từ năm 2000-2006.**

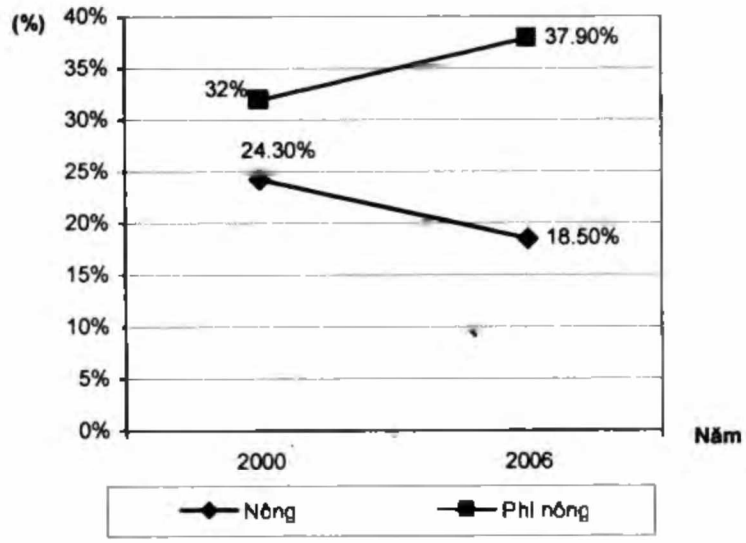

Nguồn: Theo số liệu của Báo cáo nghiệm thu đề tài *Các vấn đề về đời sống của cư dân vùng đô thị hóa tại TP. Cần Thơ - Thực trạng và giải pháp tương thích*, Sở KHCN Cần Thơ, 2009, trang 59.

5. Những vấn đề trong đời sống của cư dân vùng ven

Đô thị hóa đem đến cho đời sống của người tại chỗ nhiều thách thức, buộc họ phải có những chọn lựa quyết định đến tương lai của mình. Trong nhiều thách thức mà cư dân vùng ven gặp phải, tham luận này đề cập đến hai vấn đề quan trọng liên quan đến tài sản và việc làm của họ là vấn đề sử dụng số tiền có được do đền bù hay sang nhượng đất và vấn đề tìm việc làm.

5.1. Khuynh hướng sử dụng tiền đền bù, sang nhượng đất

Nhìn chung, người dân cả hai thành phố có tiền đền bù hay tiền do bán đất. Họ đã sử dụng số tiền này chủ yếu vào các việc theo thứ tự như sau: sửa - xây nhà, chia cho con cái, cho con đi học, mua sắm vật dụng đắt tiền, gửi tiết kiệm, đầu tư trồng trọt, đầu tư chăn nuôi, mua ruộng-vườn, chi tiêu-trả nợ, đầu tư buôn bán dịch vụ, làm nhà cho thuê, đào tạo nghề, đầu tư chăn nuôi (*Bảng 2*).

Ở TP. Hồ Chí Minh hay ở TP. Cần Thơ, khuynh hướng sử dụng tiền đền bù, sang nhượng đất của người nông dân vùng ven đô thị hóa tập trung nhiều nhất vào việc xây cất lại nhà cửa (63,36% ở TP. Hồ Chí Minh và 51,25% ở TP. Cần Thơ). Điều này được thể hiện rõ nét tại các địa bàn vùng ven. Tại đây ta gặp rất nhiều ngôi nhà mới xây cất, rất khang trang của các hộ nông dân. Nếu tính cả số chi dùng

cho việc mua sắm những tài sản đắt tiền thì tỉ lệ chi tiêu cho những món phục vụ cho tiện nghi cuộc sống trước mắt càng chiếm tỉ lệ quan trọng hơn nữa. Tuy giống nhau, nhưng người TP. Hồ Chí Minh chi tiền cho mục sửa chữa, cất nhà mạnh tay hơn người TP. Cần Thơ. Bên cạnh đó, người TP. Hồ Chí Minh cũng mạnh tay hơn trong việc chi xài, trả nợ.

***Bảng 2:* Việc sử dụng tiền đền bù/sang nhượng**

Việc chính sử dụng tiền đền bù/ sang nhượng	TP. Hồ Chí Minh		TP. Cần Thơ	
	Số	%	Số	%
1. Đầu tư vào trồng trọt	1	0,96	8	10
2. Đầu tư vào chăn nuôi, nuôi thủy sản	2	1,92	4	5
3. Mua ruộng vườn	12	11,54	11	13,75
4. Đào tạo nghề	0	0	0	0
5. Con đi học	19	18,27	13	16,25
6. Đầu tư vào CN, TCN	0	0	0	0
7. Đầu tư vào buôn bán, dịch vụ	5	4,81	3	3,75
8. Làm nhà cho thuê	10	9,62	3	3,75
9. Sửa nhà, cất nhà	66	63,46	41	51,25
10. Chia cho con cái	24	23,08	19	23,75
11. Mua sắm vật dụng đắt tiền	11	10,58	14	17,5
12. Gửi tiết kiệm	3	2,88	9	11,25
13. Chi tiêu, trả nợ	15	14,42	8	10

Nguồn: Báo cáo giám định của đề tài *Đô thị hóa và sự biến đổi cơ cấu nghề nghiệp vùng đô thị hóa nhanh các thành phố lớn ở Nam Bộ - Trường hợp TP. Hồ Chí Minh và TP. Cần Thơ*, thuộc Chương trình FSP Fond de soladité prioritaire, 2008, tr. 43 - 49.

Tiếp sau việc sửa chữa, xây nhà là chia cho con cái, sau đó mới đến mua sắm vật dụng đắt tiền, rồi đầu tư cho con đi học... Việc chia cho con thật sự là một tập quán của người Việt và được sự hậu thuẫn của pháp luật. Việc để tiền cho con ăn học cũng là mối bận tâm của họ.

Biểu đồ 5: **Tỉ lệ ưu tiên các khoản chi lớn của người dân vùng đô thị hóa ở TP. Cần Thơ và TP. Hồ Chí Minh**

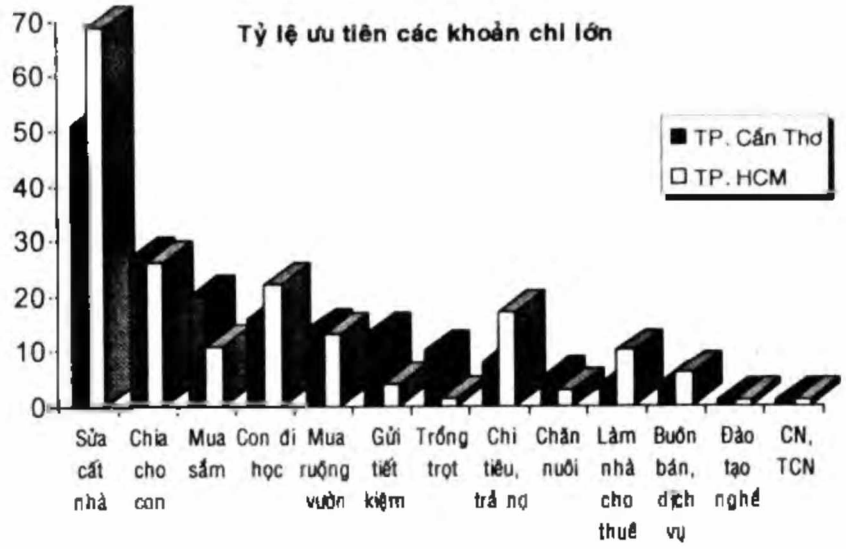

Nguồn: Báo cáo nghiệm thu đề tài *Các vấn đề về đời sống của cư dân vùng đô thị hóa tại thành phố Cần Thơ - Thực trạng và giải pháp tương thích*, Sở KHCN Cần Thơ, 2009, tr.58.

Điều đáng chú ý là cả người ở TP. Hồ Chí Minh cũng như TP. Cần Thơ đều không chú trọng đến việc học nghề (0%). Điều này cho thấy việc học nghề không được dân cư vùng ven xem trọng. Một cuộc nghiên cứu về việc làm của thanh niên vùng ven đô thị hóa cho thấy chỉ có 47,6% các thanh niên đang có việc làm là có qua khâu đào tạo nghề, còn lại là những người không có tay nghề, làm các việc lao động giản đơn.[1]

Khuynh hướng tiếp tục đầu tư cho hoạt động liên quan đến nông nghiệp còn rõ nét tại Cần Thơ. Có đến 10% số hộ đã đầu tư cho việc trồng trọt, 5% số hộ đầu tư cho việc chăn nuôi, 13,75% đầu tư vào việc mua ruộng vườn. Nếu cộng chung lại cả ba hoạt động này thì ta thấy tỉ lệ người dân còn muốn có những hoạt động liên quan đến là khá cao, 28,75%.

Một điểm đáng ghi nhận là cư dân vùng ven đô thị hóa TP. Hồ Chí Minh đầu tư nhiều vào việc xây nhà trọ hơn là cư dân TP. Cần Thơ. Nhu cầu nhà trọ cho công nhân ngoại tỉnh của TP. Hồ Chí Minh rất cao, và người vùng ven đô thị hóa TP. Hồ Chí Minh qua các đợt đô thị hóa của những vùng đi trước cũng đã nắm được những kinh nghiệm của những trường hợp trước để đầu tư vào hoạt động này. Đơn vị để

1. Kết quả điều tra của đề tài *Thanh niên vùng đô thị hóa và vấn đề việc làm - Trường hợp TP. Hồ Chí Minh* của Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển, nghiệm thu năm 2013.

tính tài sản trong một hộ gia đình không còn là công ruộng, ao cá, đàn trâu bò mà là phòng trọ. Phòng trọ được dùng để đo độ khá giả của một hộ gia đình.

Nhìn chung, chi tiêu của người TP. Cần Thơ có vẻ "cẩn thận" hơn người TP. Hồ Chí Minh, họ mua sắm ít hơn, và nhất là gửi tiền vào quỹ tiết kiệm nhiều hơn. Những chỉ dẫn, những lời khuyên của chính quyền địa phương và có thể là kinh nghiệm từ những hoàn cảnh của người dân TP. Hồ Chí Minh đã có tác động giúp người TP. Cần Thơ tránh được những việc "vung tay quá trán".

2. Những khó khăn trong việc chuyển đổi nghề của người dân vùng ven

Quá trình chuyển đổi việc làm của người dân trong vùng ven đô thị hóa có những khó khăn nhất định. Những khó khăn này vừa mang tính chủ quan, vừa mang tính khách quan.

Ở TP. Hồ Chí Minh có đến 41,66% số hộ trả lời có khó khăn trong quá trình chuyển đổi việc làm. Những hộ còn lại hoặc không chuyển đổi việc làm (35,67%) hoặc không có khó khăn trong quá trình chuyển đổi (22,67%). Hai khó khăn lớn nhất mà người dân gặp phải là trình độ học vấn thấp (16%) và thiếu vốn để chuyển đổi (9,33%). Ngoài ra còn có một số khó khăn khác như người dân không tin ở việc làm mới (6%), quá tuổi (5,67%), thiếu sự giúp đỡ của các định chế như trung tâm dạy nghề, cơ sở giới thiệu việc làm... (*Bảng 3*)

Bảng 3: **Khó khăn trong chuyển đổi việc làm ở TP. Hồ Chí Minh và TP. Cần Thơ**

Các khó khăn lớn	TP. Hồ Chí Minh		TP. Cần Thơ	
	Số	%	Số	%
1. Thu hồi đất quá nhanh, trở bộ không kịp	5	1,67	22	7,33
2. Học vấn thấp	48	16,00	90	30,00
3. Không gần cơ sở đào tạo nghề	3	1,00	21	7,00
4. Tốn tiền nhiều cho đào tạo	14	4,67	34	11,33
5. Ít cơ sở giới thiệu việc làm	7	2,33	29	9,67
6. Thành viên ngại chuyển nghề	10	3,33	34	11,33
7. Khó khăn khác	1	0,33	0	0,00
8. Không gặp khó khăn nào	68	22,67	41	13,67

Các khó khăn lớn	TP. Hồ Chí Minh		TP. Cần Thơ	
	Số	%	Số	%
9. Chưa cần chuyển nghề	107	35,67	126	42,00
10. Thiếu vốn chuyển nghề	28	9,33	14	4,67
11. Tuổi cao, sức yếu	17	5,67	9	3,00
12. Nghề mới kém hiệu quả, thu nhập thấp	18	6,00		
13. Không nghề nghiệp khó xin việc	11	3,67		
Tổng (số hộ)	**300**	**100,0**	**300**	**100.0**

Nguồn: Báo cáo giám định của đề tài *Đô thị hóa và sự biến đổi cơ cấu nghề nghiệp vùng đô thị hóa nhanh các thành phố lớn ở Nam Bộ - Trường hợp TP. Hồ Chí Minh và TP. Cần Thơ*, thuộc Chương trình FSP Fond de soladité prioritaire, 2008, tr. 66, 67.

Tại Cần Thơ, những khó khăn của người dân trong chuyển đổi việc làm cũng khá tương đồng với TP. Hồ Chí Minh. Trong các hộ gia đình ở TP. Cần Thơ thì có đến 30% gặp khó khăn do trình độ học vấn thấp. Nếu như ở TP Hồ Chí Minh, người dân gặp khó khăn do thiếu vốn để chuyển đổi việc làm chiếm một số lượng khá lớn thì ở Cần Thơ, số lượng này chiếm một tỉ lệ khá nhỏ (4,67%). Một số gia đình có khó khăn do việc đào tạo nghề mới tốn nhiều chi phí (11,33%), điều này dẫn đến tâm lí ngại chuyển đổi của người dân (11,33%). Ngoài ra, còn một số khó khăn khác việc thu hồi đất quá nhanh làm cho người dân không kịp trở tay (7,33%), trong vùng thiếu cơ sở đào tạo nghề và giới thiệu việc làm (16,67%) (*Bảng 3*).

Đô thị hóa vùng ven không chỉ bao gồm những vấn đề về chuyển dịch kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm sút đất nông nghiệp, chuyển đổi lối sống... như đã nêu ở trên, mà còn hàm chứa nhiều thách thức khác trong quá trình chuyển động. Về khía cạnh văn hóa, đô thị hóa vùng ven chứng kiến sự va chạm giữa văn hóa làng xã và văn hóa đô thị mà rất khó xác định được ở đâu và cái gì là sự tiếp biến văn hóa, đô thị hóa vùng ven còn chứng kiến sự mâu thuẫn giữa phát triển xây dựng đô thị và giữ gìn di sản kiến trúc truyền thống. Sự nhập cư ào ạt của người ngoại tỉnh với đủ thành phần mà hầu hết là những người lao động, sự giãn dân từ nội thành ra của những thị dân có tri thức và mức sống khá cao giao nhau tại vùng ven, tạo nên một sự hỗn dung về văn hóa, về lối sống, và đấy cũng là nội hàm phức tạp của đô thị tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Năm, 2007, *Nông dân ngoại thành TP. Hồ Chí Minh trong tiến trình đô thị hóa*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
2. Mc Gee, 2012, "Revisiting The Urban Fringe: Reassessing The Challenges of The Mega-Urbanization Process in Southeast Asia", trong *Trend of urbanization and suburbanization in Southeast Asia*, Nxb. Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh, 2012.
3. Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển, 2008, Báo cáo giám định của đề tài *Đô thị hóa và sự biến đổi cơ cấu nghề nghiệp vùng đô thị hóa nhanh các thành phố lớn ở Nam Bộ - Trường hợp TP. Hồ Chí Minh và TP. Cần Thơ*, thuộc Chương trình FSP Fond de soladité prioritaire.
4. Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển, 2009, Báo cáo nghiệm thu đề tài *Các vấn đề về đời sống của cư dân vùng đô thị hóa tại TP. Cần Thơ - Thực trạng và giải pháp tương thích*, Sở KHCN Cần Thơ.
5. Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển, 2013, Báo cáo nghiệm thu đề tài *Thanh niên vùng đô thị hóa và vấn đề việc làm - Trường hợp TP. Hồ Chí Minh*, Sở Khoa học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh.